TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2022
V/vL hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn D, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Qũy tín dụng nhân dân Thọ Lập

Địa chỉ: Xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Hoàng Xuân T - Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2022, các lời khai trong quá

trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Trịnh Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D lấy nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn lần thứ nhất vào năm 2008. Do qúa trình chung sống tình cảm vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc, nên vào năm 2012 chị đã đề nghị Tòa án giải quyếtL hôn. Tại quyết định công nhận thuận tìnhL hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 29/9/2012 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết cho chị và anh D đượcL hôn và giao cho chị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung. Đến năm 2016 thì anh D có xin lỗi chị, nên chị đồng ý, vợ chồng lại về chung sống với nhau, có làm lại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Sơn vào ngày 05/12/2016. Nhưng quá trình chung sống sau đó, tình cảm vợ chồng cũng chỉ hanh phúc được thời gian ngắn, từ giữa năm 2017 vợ chồng lại phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong gia đình, anh D không quan tâm đến con cái, ghen tuông vô cớ, xúc phạm chị và không tôn trọng bố mẹ đẻ chị, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh D còn nhiều lần đánh đập chi. Không thể chịu đựng được, nên đến tháng 11/2021 chị đã sốngL thân cho đến nay. Nay chị xác định không còn tỉnh cảm vợ chồng, nên chị đề nghị giải quyết cho chị đượcL hôn.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu Lê Văn Hoàng A, sinh ngày 26/8/2009 và Lê HươngL, sinh ngày 15/10/2011, hiện cả hai con chung đều đang ở với chị.L hôn quan điểm chị H là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung; không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Lý do: Chị là dược sỹ, hiện tại đang mở quầy thuốc kinh doanh thuốc tây tại nhà, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho các con.

Về tài sản và công nợ: Tại đơn khởi kiện chị H có kê khai yêu cầu giải quyết về phần tài sản, công nợ chung vợ chồng, gồm: Tài sản chung là 01 xe ô tô biển kiểm soát 36A-238.07 trị giá 320.000.000đ; Nợ Qũy tín dụng nhân dân Thọ Lập số tiền 250.000.000đ. Nhưng sau đó, đến ngày 15/02/2022 chị H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về phần tài sản, công nợ chung. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, công nợ chung.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H lấy nhau do hai bên tự nguyện, kết hôn lần thứ nhất vào năm 2008, đến năm 2012 thìL hôn. Sau đó, đến năm 2016 thì vợ chồng đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Xuân Sơn. Sau khi kết hôn lại được khoảng 4 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H không chung thủy với anh. Anh bắt được tin nhắn chị H hẹn hò đi chơi, thì có tát chị H và dẫn chị H sang nhà bố mẹ để chị H để nói chuyện, nhưng sau sự việc trên thì tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Anh có níu kéo tình cảm vợ chồng, nhưng không được; bố mẹ vợ cũng không can ngăn vun đắp cho vọ chồng mà bênh vực chị H, có lần anh còn bị chị H và bố mẹ vợ đánh phải đi điều trị. Từ tháng 11/2021 thì vợ chồng đã sốngL thân. Nay chị H yêu cầuL hôn thì anh cũng đồng ýL hôn.

Về con chung: Anh D xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu Lê

Văn Hoàng A, sinh ngày 26/8/2009 và Lê HươngL, sinh ngày 15/10/2011, hiện đang ở với chị H.

L hôn, quan điểm của anh D là anh xin được trực tiếp nuôi cháu HươngL; cháu Hoàng Anh đề nghị giao chị H nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2022, anh D trình bày vợ chồng có tài sản gồm: 01 thửa đất số 10A, tờ bản đồ số 16, diện tích 202m^2 tại thôn 7, xã Phú Yên (nay là xã P); 01 ngôi nhà cấp 4 xây tường lợp tôn; 01 ô tô biển kiểm soát 36A- 238.07 (anh D đang quản lý); 01 xe máy (chị H đang quản lý); 01 máy giặt; 01 tủ bảo ôn; 01 điều hòa và 01 quầy thuốc tây trị giá 2.000.000.000đ (chị H đang quản lý). Vợ chồng nợ Qũy tín dụng nhân dân Thọ Lập 250.000.000đ; nợ Ngân hàng VPBANK 75.000.000đ, nhưng anh D không xuất trình các tài liệu, chứng cứ chứng minh về quan hệ tài sản, công nợ chung của vợ chồng. Quan điểm của anh D là đề nghị giải quyết tài sản và công nợ chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ra Thông báo số 02/TB-TA ngày 20/4/2022 yêu cầu anh D sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và cung cấp các tài liệu chứng cứ về yêu cầu phân chia tài sản, công nợ chung của vợ chồng theo quy định. Tuy nhiên, đến nay anh D vẫn không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; không cung cấp tài liệu chứng cứ về quan hệ tài sản, công nợ chung và cũng không có văn bản trình bày ý kiến khác gửi Tòa án.

Tại bản tự khai cháu Lê Văn Hoàng A và cháu Lê HươngL đều có ý kiến, thể hiện nguyện vọng muốn được ở với mẹ (chị H), nếu bố mẹL hôn.

Tại văn bản ngày 17/5/2022 Qũy tín dụng nhân dân Thọ Lập có ý kiến như sau: Bà Trịnh Thị H có đề nghị sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trả nợ cho Qũy tín dụng nhân dân Thọ Lập khi đến hạn ngày 28/10/2022. Nếu quá hạn Qũy tín dụng thực hiện phát mại tài sản để thu nợ (theo hợp đồng). HĐQT Qũy tín dụng nhân dân Thọ Lập đã thống nhất đồng ý với kiến nghị của bà H. Vậy Qũy tín dụng nhân dân Thọ Lập không có khởi kiện gì về công nợ của gia đình bà H trong việc tranh chấp tài sản, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/6/2022, Qũy tín dụng nhân dân Thọ Lập cũng nêu quan điểm: Thống nhất không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết công nợ của gia đình bà H tại Qũy tín dụng nhân dân Thọ Lập trong vụ ánL hôn giữa bà H với ông D.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 18/5/2022, đại diện Ủy ban nhân xã P cho biết: Chị Trịnh Thị H và anh Lê Văn D có quan hệ vợ chồng. Năm 2012 anh D, chị H đã ra Tòa án giải quyếtL hôn nhau. Đến năm 2016 đăng ký kết hôn lại với nhau tại UBND xã Xuân Sơn. Về con chung: Anh D và chị H có 02 con chung là cháu Lê Văn Hoàng A, sinh ngày 26/8/2009 và Lê Hương L, sinh ngày 15/10/2011, các con hiện nay đều đang ở với chị H. Qúa trình chị H, anh D chung sống với nhau tại địa phương không biết giữa vợ chồng có mâu thuẫn với nhau hay không. Hiện nay anh D và chị H không ở cùng nhau. Giữa anh D và gia đình (bố mẹ đẻ) chị H có xảy ra mâu thuẫn, anh D có báo Công an xã giải quyết.

Tại biên bản xác minh lập ngày 18/5/2022, đại diện Công an xã P cho biết:

Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1984 và anh Lê Văn D, sinh năm 1979 (chồng chị H) có Hộ khẩu thường trú tại: Thôn 4, xã P. Vào thời điểm tháng 11/2021 gia đình bố mẹ đẻ chị H và anh Lê Văn D có xảy ra mâu thuẫn, xô xát nhau, anh D đã báo Công an xã giải quyết; giữa vợ chồng chị H, anh D cũng đã xảy ra mâu thuẫn, anh D có báo cáo, Công an xã đã trực tiếp đến gia đình anh D, chị H để giải quyết, hòa giải mâu thuẫn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầuL hôn của chị Trịnh Thị H đối với bi đơn anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Văn Hoàng A, sinh ngày 26/8/2009 và Lê HươngL, sinh ngày 15/10/2011 cho chị Trịnh Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lê Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu chia tài sản chung và công nợ.

4. Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin đượcL hôn với anh Lê Văn D, cư trú tại: Thôn, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Lê Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, trước đó: Tại phiên tòa lần thứ 1, anh D vắng mặt không có lý do; Phiên tòa lần thứ 2 anh D có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do đi khám và điều trị bệnh; nay anh D tiếp tục vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Lê Văn D tự nguyện kết

hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Sơn (nay là xã X) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2016, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp. Trước đó vào năm 2008 chị H và anh D đã từng đăng ký kết hôn và chung sống với nhau, nhưng tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, nên năm 2012 anh chị đã giải quyếtL hôn tại Tòa án theo Quyết định công nhận thuận tìnhL hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 91/2012/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Năm 2016 đăng ký kết hôn lại, vợ chồng chung sống với nhau, nhưng tình cảm chỉ hòa thuận, hạnh phúc trong thời gian ngắn, đến năm 2017 lại đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng trong sinh hoạt gia đình; giữa vợ chồng không còn có sự tin tưởng, tôn trọng, chia sẻ với nhau, mà thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 11/2021 mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, nên vợ chồng đãL thân đến nay. Qúa trình giải quyết vụ án, chị H một mực đề nghị giải quyết cho chị đượcL hôn; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh D cũng thể hiện quan điểm đồng ýL hôn. Tại phiên tòa hôm nay anh D vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện anh D không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyếtL hôn của chị H, xử cho chị Trịnh Thị H đượcL hôn với anh Lê Văn D.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Lê Văn D đều xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu Lê Văn Hoàng A, sinh ngày 26/8/2009 và Lê HươngL, sinh ngày 15/10/2011.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị H và anh D, thấy rằng: Qúa trình giải quyết vụ án, 02 con chung là cháu Lê Văn Hoàng A và cháu Lê Hương L đều có lời khai thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị H); Bản thân chị H là Dược sỹ, hiện đang mở quầy thuốc kinh doanh thuốc tây tại nhà, có đủ các điều kiện để chăm sóc tốt cho các con. Trong khi anh D hiện tại công việc không ổn định, không cung cấp tài liệu chứng minh về công việc và thu nhập, nếu giao con cho anh D nuôi dưỡng sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc chăm sóc con. Hơn nữa hiện tại cả 02 con chung đều đang ở ổn định với chị H từ sau khi vợ chồngL thân, đã được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, tránh không xáo trộn cuộc sống và sinh hoạt của con, cần thiết giao 02 con chung cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Qúa trình giải quyết vụ án, chị H khẳng định có đủ các điều kiện để nuôi con và có ý kiến không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con; Xét đây là sự tự nguyện của chị H và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đó, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ:

[4.1] Tại đơn khởi kiện chị H có kê khai yêu cầu giải quyết về phần tài sản, công nợ chung vợ chồng, gồm: Tài sản chung là 01 xe ô tô biển kiểm soát 36A-238.07 trị giá 320.000.000đ; Nợ Qũy tín dụng nhân dân Thọ Lập số tiền

250.000.000đ. Tuy nhiên, đến ngày 15/02/2022 chị H lại có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về phần tài sản, công nợ chung. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, công nợ chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc chị Trịnh Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện (về phần tài sản, công nợ chung), là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện về tài sản, công nợ chung.

[4.2] Bị đơn anh Lê Văn D quá trình gải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2022, có trình bày tài sản, công nợ chung của vợ chồng gồm: 01 thửa đất số 10A, tờ bản đồ số 16, diện tích 202m^2 tại thôn 7, xã Phú Yên (nay là xã P); 01 ngôi nhà cấp 4 xây tường lợp tôn; 01 ô tô biển kiểm soát 36A- 238.07 (anh D đang quản lý); 01 xe máy (chị H đang quản lý); 01 máy giặt; 01 tủ bảo ôn; 01 điều hòa và 01 quầy thuốc tây trị giá 2.000.000.000đ (chị H đang quản lý). Vợ chồng nợ Qũy tín dụng nhân dân Thọ Lập 250.000.000đ; nợ Ngân hàng VPBANK 75.000.000đ, anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh D không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về quan hệ tài sản, công nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có ra Thông báo số 02/TB-TA ngày 20/4/2022 yêu cầu anh D sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và cung cấp các tài liệu chứng cứ về yêu cầu phân chia tài sản, công nợ chung của vợ chồng theo quy định, nhưng cho đến nay anh D vẫn không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ về quan hệ tài sản, công nợ chung như kê khai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến khác gửi Tòa án. Do đó, không xem xét yêu cầu của anh D.

[4.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Qũy tín dụng nhân dân Thọ Lập, ngày 17/5/2022 có văn bản thế hiện quan điểm không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án quyết khoản nợ của gia đình chị Trịnh Thị H tại Qũy tín dụng nhân dân Thọ Lập. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trịnh Thị H phải chịu án phíL hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung, do chị H đã rút đơn khởi kiện về yêu cầu chi tài sản chung, nên cần trả lại chị H.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trịnh Thị H đối với yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ chung.

Các bên đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án về phần tài sản, công nợ chung theo quy định của pháp luật.

2. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H đượcL hôn với anh Lê Văn D.

3. Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Lê Văn D có 02 (hai) con chung là các cháu Lê Văn Hoàng A, sinh ngày 26/8/2009 và Lê HươngL, sinh ngày 15/10/2011.

Giao 02 con chung là các cháu Lê Văn Hoàng A và Lê HươngL cho chị Trịnh Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lê Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014106 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Hoàn trả cho chị Trịnh Thị H số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp 14.250.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014111 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

Lê Minh Tiến